

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KỸ THUƠNG**

TECHCOMSECURITIES

Số: 080509/23/QĐ-CTHĐQT-TCBS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐC

Hà nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: ban hành Quy định báo cáo và công bố thông tin tại Công ty cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG**

Căn cứ:

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương;
- Tờ trình số 023008/TT-CTHĐQT-TCBS ngày 30/8/2023 về việc phê duyệt ban hành Quy định báo cáo và công bố thông tin tại TCBS.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt ban hành Quy định báo cáo và công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định về công bố thông tin ban hành kèm quyết định số 715/2018/HĐQT-TCBS ngày 01/11/2018 và Quyết định số 042403/21/QĐ-CT HĐQT-TCBS ngày 24/03/2021. Các Bộ phận/Đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu HCTH.

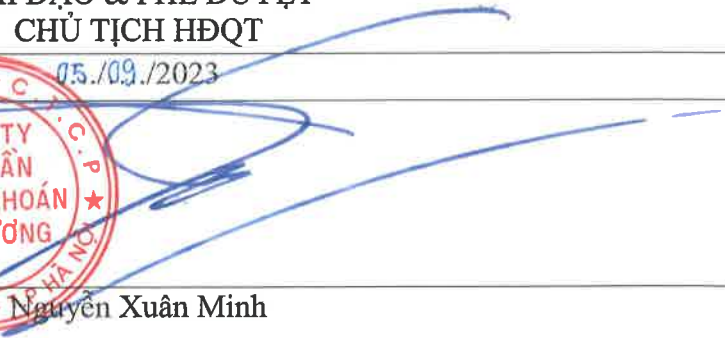
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Xuân Minh



BẢNG KIỂM SOÁT

BIÊN SOẠN	
Biên soạn	
3a./8./2023	
	
Ninh Thị Hương	
KIỂM SOÁT	
Bộ phận Pháp chế	Phó Tổng giám đốc
05/09/2023	05./09/2023
	
Nguyễn Thị Xuân Mai	Bùi Thị Thu Hằng
CHỈ ĐẠO & PHÊ DUYỆT TỔNG GIÁM ĐỐC	
05../09/2023	
	
Nguyễn Thị Thu Hiền	
CHỈ ĐẠO & PHÊ DUYỆT CHỦ TỊCH HĐQT	
05./09./2023	
	
Nguyễn Xuân Minh	



MỤC LỤC

Điều 1. Mục đích	3
Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Định nghĩa và Giải thích các từ viết tắt.....	3
Điều 4. Thẩm quyền công bố thông tin	4
Điều 5. Nguyên tắc của việc báo cáo và CBTT	4
Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin	4
Điều 7. Các loại công bố thông tin/báo cáo cơ quan nhà nước.....	5
7.1. Các loại báo cáo/CBTT:	5
7.2. Việc báo cáo và CBTT được chia làm 2 trường hợp:.....	5
Điều 8. Trách nhiệm của Người Công bố thông tin.....	5
Điều 9. Trách nhiệm Bộ phận đầu mối công bố thông tin.....	5
Điều 10. Trách nhiệm của Bộ phận phát sinh sự kiện, Bộ phận lập báo cáo	6
Điều 11. Trách nhiệm của Bộ phận Marketing	6
Điều 12. Trách nhiệm của bộ phận Pháp chế	6
Điều 13. Thời gian lưu hồ sơ	6
Điều 14. Điều khoản thi hành.....	7

QUY ĐỊNH VỀ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI TCBS

Điều 1. Mục đích

Quy định về việc công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương ban hành nhằm mục đích quy định một cách thống nhất về việc báo cáo và công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho hoạt động báo cáo và công bố thông tin của TCBS cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan.

2.2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các bộ phận thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (sau đây gọi là “TCBS” hoặc “Công ty”).

Điều 3. Định nghĩa và Giải thích các từ viết tắt

3.1. Định nghĩa

- **Người công bố thông tin** là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được người Người đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Người được ủy quyền CBTT);
- **Bộ phận đầu mối Công bố thông tin** là bộ phận giúp việc cho Người công bố thông tin. Bộ phận đầu mối công bố thông tin do Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định theo từng thời kỳ.
- **Bộ phận phát sinh sự kiện** là bộ phận có phát sinh/phát hiện sự kiện cần công bố thông tin;
- **Bộ phận lập báo cáo** là bộ phận chịu trách nhiệm cung cấp nội dung báo cáo theo phân công và gửi cho bộ phận đầu mối CBTT tập hợp hoặc gửi trực tiếp cho cơ quan quản lý nhà nước ;

3.2. Giải thích các từ viết tắt

- CBTT: Công bố thông tin
- CIMS: Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- CNTT: Công nghệ thông tin
- HCVP: Hành chính văn phòng
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- SCMS: Hệ thống công bố thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán
- TGD: Tổng Giám đốc Công ty
- VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam



- TCBS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 4. Thâm quyền công bố thông tin

- 4.1. Việc CBTT của Công ty phải do Người CBTT thực hiện. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố.
- 4.2. Việc ủy quyền thực hiện CBTT được thực hiện theo quy định của pháp luật về việc CBTT trên thị trường chứng khoán. Trường hợp thay đổi, đăng ký lại Người được ủy quyền CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK trong vòng 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 5. Nguyên tắc của việc báo cáo và CBTT

- 5.1. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo Quy định nội bộ về báo cáo và công bố thông tin của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến báo cáo và công bố thông tin áp dụng cho công ty chứng khoán;
- 5.2. Các bộ phận phát sinh sự kiện cần báo cáo/CBTT gửi các tài liệu liên quan cho bộ phận đầu mối CBTT một cách đầy đủ, chính xác theo biểu mẫu quy định và kịp thời theo quy định của pháp luật, Quy định này, quy trình/Hướng dẫn liên quan đến việc CBTT.
- 5.3. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện CBTT; ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống CNTT tiếp nhận báo cáo), ngày công ty gửi công bố thông tin bằng văn bản tới UBCKNN, SGDCK.
- 5.4. Việc CBTT sẽ chỉ được thực hiện khi Người CBTT phê duyệt văn bản CBTT.
- 5.5. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, TCBS đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.
- 5.6. Việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố được lưu trữ tại bộ phận lập báo cáo và bộ phận đầu mối gửi CBTT (bản copy) trong thời hạn theo quy định của pháp luật.
- 5.7. Trong trường hợp quy định Pháp luật về CBTT không rõ ràng, bộ phận đầu mối CBTT cần xin ý kiến tư vấn của bộ phận Pháp chế về nội dung, cách thức công bố thông tin phù hợp với quy định.

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

- 6.1. Trang thông tin điện tử (website) của TCBS;
- 6.2. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- 6.3. Hệ thống CBTT của các SGDCK;
- 6.4. Trang thông tin điện tử của VSD;
- 6.5. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.

**Điều 7. Các loại công bố thông tin/báo cáo cơ quan nhà nước****7.1. Các loại báo cáo/CBTT:**

- 7.1.1. Công bố thông tin định kỳ (Phụ lục 01)
- 7.1.2. Công bố thông tin bất thường (Phụ lục 02)
- 7.1.3. Công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật
- 7.1.4. Các loại báo cáo theo các quy trình nghiệp vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước
- 7.1.5. Báo cáo khác (theo quy định của pháp luật)

Danh sách các nội dung cần CBTT/báo cáo có thể thay đổi theo quy định của pháp luật và văn bản cập nhật do TGD phê duyệt ban hành căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.2. Việc báo cáo và CBTT được chia làm 2 trường hợp:

- 7.2.1. Báo cáo/CBTT bắt buộc thông qua bộ phận đầu mối CBTT, bao gồm:
 - Các báo cáo phải sử dụng chứng thư số để ký trước khi gửi và phải nhập vào hệ thống CBTT của UBCK, SGDCK;
 - Các báo cáo mang tính tổng hợp dữ liệu từ nhiều bộ phận khác nhau;
 - Các văn bản CBTT định kỳ/bất thường/theo yêu cầu;
- 7.2.2. Báo cáo không cần qua đầu mối CBTT của Công ty: là những báo cáo mang tính chất nghiệp vụ do một bộ phận phụ trách và không thuộc trường hợp nêu tại điểm 7.2.1 nêu trên.
- 7.2.3. Việc báo cáo và CBTT được thực hiện theo Quy trình báo cáo và CBTT do TGD ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm của Người Công bố thông tin

- 8.1. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin được công bố, nội dung Công bố thông tin theo qui định của pháp luật;
- 8.2. Chỉ đạo các bộ phận liên quan thống nhất ý kiến về nội dung CBTT.

Điều 9. Trách nhiệm Bộ phận đầu mối công bố thông tin

- 9.1. Tổng hợp, trình ký các văn bản công bố thông tin tới cấp có thẩm quyền và CBTT đúng thời hạn theo quy định;
- 9.2. Thực hiện việc CBTT hoặc gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước căn cứ trên báo cáo do các Bộ phận lập báo cáo gửi;
- 9.3. Là đầu mối tiếp nhận và cung cấp thông tin theo yêu cầu cho UBCKNN, SGDCK, các cơ quan chức năng sau khi xin ý kiến của Người CBTT hoặc người được ủy quyền CBTT (nếu cần thiết) khi nhận được yêu cầu liên quan đến các nội dung về CBTT;
- 9.4. Giải trình cho UBCKNN, SGDCK khi có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố và yêu cầu các đơn vị liên quan phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu CBTT theo yêu cầu của pháp luật và cơ quan quản lý;

9.5. Là đầu mối tổng hợp dữ liệu, báo cáo từ các bộ phận lập báo cáo trong trường hợp báo cáo cần thông tin từ nhiều bộ phận;

9.6. Thực hiện lưu trữ hồ sơ CBTT.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ phận phát sinh sự kiện, Bộ phận lập báo cáo

10.1. Cung cấp thông tin báo cáo theo mẫu quy định của cơ quan nhà nước, các văn bản quyết định và các tài liệu liên quan khi phát sinh các sự kiện cần báo cáo tới: (i) Bộ phận đầu mối CBTT (với các nội dung công bố qua đầu mối CBTT); (ii) Cơ quan quản lý nhà nước (với các nội dung báo cáo do các đơn vị tự gửi) theo đúng thời gian quy định của pháp luật và theo quy định nội bộ TCBS từng thời kỳ, đảm bảo thực hiện CBTT/báo cáo tới cơ quan nhà nước đúng hạn;

10.2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong báo cáo và cung cấp đầy đủ số liệu liên quan cho Người CBTT / Bộ phận đầu mối gửi CBTT theo quy định và khi có yêu cầu;

10.3. Đảm bảo tính khớp đúng giữa bản mềm đã gửi cho bộ phận đầu mối gửi CBTT, bản cứng đã gửi và bản lưu tại bộ phận;

10.4. Phối hợp với Bộ phận đầu mối CBTT cung cấp thông tin, gửi nội dung giải trình liên quan đến các báo cáo do đơn vị lập, phạm vi công việc của bộ phận mình khi có yêu cầu giải trình của cơ quan quản lý nhà nước;

10.5. Lưu bản cứng báo cáo do các bộ phận tự gửi trực tiếp, tài liệu liên quan;

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ phận Marketing

11.1. Chịu trách nhiệm đăng tải kịp thời trên các trang thông tin điện tử của TCBS khi nhận được yêu cầu của Người CBTT / Bộ phận đầu mối CBTT/bộ phận lập báo cáo.

11.2. Đánh giá ảnh hưởng về phương diện truyền thông của các nội dung CBTT và đưa ra các ý kiến cảnh báo về các rủi ro truyền thông của thông tin với Người CBTT và bộ phận đầu mối CBTT

11.3. Theo dõi ảnh hưởng của dư luận sau khi đã công bố thông tin;

Điều 12. Trách nhiệm của bộ phận Pháp chế

12.1. Theo dõi thay đổi của Pháp luật liên quan dẫn đến việc thay đổi các quy định về CBTT để thông báo cho Bộ phận đầu mối ban hành văn bản thực hiện sửa đổi các quy định liên quan đến việc CBTT;

12.2. Tư vấn cho các bộ phận lập báo cáo/bộ phận đầu mối CBTT/Người CBTT đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu của pháp luật về nghĩa vụ CBTT;

Điều 13. Thời gian lưu hồ sơ

13.1. Các thông tin công bố phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm, lưu dữ liệu văn bản và dữ liệu điện tử 10 năm.

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

- 14.1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy định về công bố thông tin ban hành kèm quyết định số 715/2018/HĐQT-TCBS ngày 01/11/2018 và Quyết định số 042403/21/QĐ-CT HĐQT-TCBS ngày 24/03/2021.
- 14.2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định này do CT HĐQT quyết định. Khi có những nội dung nào của Quy định này trái với quy định của Pháp luật thì sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và điều khoản trái với quy định đó sẽ đương nhiên hết hiệu lực thi hành;
- 14.3. TGD chịu trách nhiệm ban hành Quy trình báo cáo và CBTT theo Quy định này.
- 14.4. Trưởng các bộ phận, các đơn vị chức năng và cá nhân liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành quy định này.



QUẢN LÝ VĂN BẢN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	17/06/2020	Quốc hội
Nghị định quy định chi tiết 1 số điều Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
Thông tư về Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán	121/2020/TT-BTC	31/12/2020	Bộ Tài chính
Quy chế công bố thông tin tại SGDCKVN và công ty con	21/QĐ-SGDVN	21/12/2021	SGDCKVN
Quy chế thành viên SGDCKVN	01/QĐ-SGDVN	20/01/2022	SDGCKVN
Quy chế công bố thông tin tại SCGCK HCM	340/QĐ-SGDHCM	19/8/2016	SGDCK HCM
Qui chế thành viên giao dịch tại Sở GD TP HCM	04/2013/QĐ-SGDHCM	20/5/2013	SGDCKHCM
Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM	248/QĐ-SGDHCM	22/06/2016	SGDHCM

Phụ lục số 01: DANH MỤC BÁO CÁO VÀ CBTT ĐỊNH KỲ
(Đính kèm Quy định về công bố thông tin ban hành kèm Quyết định số 080509/23/QĐ- CTHĐQT - TCBS ngày 05 /09/2023)

STT	Nội dung báo cáo	Báo cáo/CBTT	Gửi cho các cơ quan chức năng	Bộ phận lập báo cáo/ văn bản hiện tại	Thời hạn gửi cho đầu mối	Thời hạn nộp cho cơ quan chức năng	Hình thức gửi báo cáo	Đầu mối thực hiện vận hành	Kỳ báo cáo
I	Báo cáo quý								
1	Báo cáo tài chính quý và báo cáo giải trình chênh lệch lợi nhuận (nếu có)	CBTT và báo cáo	Gửi: VNX, UBCK, UBGSTCQG	Kế toán	Ngay khi báo cáo được ký	- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (nếu không soát xét); hoặc 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 45 ngày (nếu soát xét) kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- Up CIMS, SCMS, FMSIS - Gửi email cho marketing đăng tin công bố trên website	Kế toán	Quý
II	Báo cáo bán niên								
1	Báo cáo tỷ lệ ATTC tại ngày 30/6 được <u>soát xét</u> bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	CBTT và báo cáo	UBCK, VNX, UBGSTCQG	Kế toán		5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 45 ngày (nếu soát xét) kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- Up CIMS, SCMS, FMSIS; email bản PDF và bản cứng cho VNX và SSC nếu gửi điện tử lỗi; - Gửi email cho marketing CBTT trên website	Kế toán	Bán niên
2	Báo cáo tài chính bán niên <u>soát xét</u> bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và giải trình chênh lệch lợi nhuận (Nếu có)	CBTT và báo cáo	UBCK, VNX, UBGSTCQG	Kế toán		5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không vượt quá 45 ngày (nếu soát xét) kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	- Up CIMS, SCMS, FMSIS; - Gửi email cho marketing CBTT trên website	Kế toán	Bán niên
III	Báo cáo năm								
1	BCTC năm <u>kiểm toán</u> bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và giải trình chênh lệch lợi nhuận (Nếu có)	CBTT và báo cáo	UBCK, VNX, UBGSTCQG	Kế toán		10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- Up CIMS, SCMS, FMSIS; - Gửi email bản PDF cho marketing CBTT trên website	Kế toán	Năm
2	Báo cáo tỷ lệ ATTC tại ngày 31/12 được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	CBTT và báo cáo	UBCK, VNX, UBGSTCQG	Kế toán		10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- Up CIMS, SCMS, FMSIS; - Gửi email bản PDF cho marketing CBTT trên website.	Kế toán	Năm

3	Báo cáo thường niên	CBTT và báo cáo	UBCK, VNX	Marketing	1 ngày làm việc trước thời hạn báo cáo	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- Up CIMS, SCMS,	KSNB	Năm
---	---------------------	-----------------	-----------	-----------	--	--	------------------	------	-----

Lưu ý:
Trong mọi trường hợp khi gửi upload lên cổng thông tin trực tuyến nếu gặp lỗi thì gửi email cho các đầu mối quản lý thành viên và bản cứng

PHỤ LỤC 02 - TỔNG HỢP NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN (BẮT THƯỜNG)

(Đính kèm Quy định về công bố thông tin ban hành kèm Quyết định số 080509/23/QĐ- CTHĐQT - TCBS ngày 05/ 09 /2023)

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mối CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
1	Công bố thông tin bắt thường (liên quan đến các quyết định của UBCK hoặc cổ đông)	Điều 23-TT96			
1.1	a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;	Điều 23.1a	HCVP/Pháp chế	Ngay khi phát sinh sự kiện	24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
1.2	b) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh;	Điều 23.1b	HCVP/Pháp chế		
1.3	c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;	Điều 23.1c	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký HĐQT/HCVP		
1.4	d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;	Điều 23.1d	HCVP		
1.5	đ) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;	Điều 23.1đ	Bộ phận trực tiếp thực hiện/HCVP/IT		
1.6	e) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;	Điều 23.1e	Bộ phận trực tiếp thực hiện		
1.7	g) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;	Điều 23.1g	Bộ phận trực tiếp thực hiện		
1.8	h) Khi công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;	Điều 23.1h	Bộ phận trực tiếp thực hiện/HCVP		

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mối CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
1.9	i) Khi công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.	Điều 23.1i	IT		
2	Công bố thông tin bất thường (liên quan đến vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, và niêm yết)	Điều 23.1 Điều 15.2			
2.1	a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Điều 23.1 Điều 15.2a	HCVP/Thư ký VPHĐQT	Ngay khi phát sinh sự kiện	24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
2.2	b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Điều 23.1 Điều 15.2b	HCVP/Thư ký VPHĐQT Bộ phận trực tiếp thực hiện		
2.3	c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Điều 23.1 Điều 15.2c	Bộ phận phát sinh nghiệp vụ (Treasury, EDCM...)		
3	Công bố thông tin bất thường (liên quan đến hoạt động khác, tương tự công ty đại chúng)	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1- TT96			
3.1	a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1a	Kế toán	Ngay sau khi nhận được thông tin	
3.2	b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1b	HCVP/Pháp chế	Ngay khi phát sinh sự kiện	
3.3	c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1c	Thư ký VPHĐQT	Ngay sau khi có quyết định	
3.4	d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1d	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT		

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
3.5	đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1đ	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT		24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện
3.6	e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1e	HCVP/Pháp chế/Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay sau khi có quyết định	
3.7	g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1g	Kế toán	Ngay khi có quyết định thay đổi	
3.8	h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1h	Bộ phận làm giao dịch trực tiếp/HCVP	Ngay khi có quyết định/ nhận được thông tin chuẩn bị thực hiện giao dịch	
3.9	j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1j	Thư ký HĐQT/ Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay sau khi có quyết định	
3.10	k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1k	Bộ phận trực tiếp thực hiện		

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
3.11	l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.11	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT	Ngay sau khi có sự thay đổi	
3.12	m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1m	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay khi nhận được thông tin	
3.13	n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1n	HCVP/Ban Trợ lý	Ngay khi có quyết định	
3.14	o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1o	HCVP/Pháp chế/Kế toán	Ngay khi nhận được thông tin	
3.15	p) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1p	HCVP/Pháp chế	Ngay khi nhận được thông tin	
3.16	q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1q	Bộ phận được phân công	Ngay khi có quyết định	
3.17	r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1r	Bộ phận được phân công	Ngay khi nhận được thông tin	
3.18	s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Điều 23.1 Điều 15.1 Điều 11.1s	Bộ phận trực tiếp thực hiện		
4	Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 11.3-TT96			
4.1	a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Điều 11.3a		Như phụ lục CBTT định kỳ về CBTT họp ĐHĐCĐ thường niên	Như phụ lục CBTT định kỳ về CBTT họp ĐHĐCĐ thường niên

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
4.2	b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	Điều 11.3b	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT	Trước thời hạn nộp 01 ngày	10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến
5	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Điều 11.4-TT96			
5.1	a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;	Điều 11.4a	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT	Ngay khi có quyết định	10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến
5.2	b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Điều 11.4b	Bộ phận trực tiếp thực hiện/Thư ký VPHĐQT	Ngay khi có quyết định	20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến
6	Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:	Điều 11-TT96			
6.1	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Điều 11.5	Kế toán	Ngay khi tổ chức kiểm toán ký báo cáo	Trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96.
6.2	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Điều 11.6	Kế toán		Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
7	Công bố thông tin khác (do bộ phận nghiệp vụ trực tiếp thực hiện)	Điều 25-TT96			
7.1	1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.	Điều 25.1	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay khi nhận được quyết định phê duyệt, các bộ phận gửi cho CS/Marketing	Khi phát sinh sự kiện

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
7.2	2. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.	Điều 25.2	- iWealth: các nội dung liên quan đến chính sách sản phẩm, phương thức giao dịch, điều kiện cung cấp dịch vụ - Risk: danh mục CK ký quỹ - HCVP: Danh sách người hành nghề chứng khoán	Ngay khi có phát sinh	Ngay khi có phát sinh
7.3	3. Công ty chứng khoán khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán. Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Điều 25.3	- iWealth: cài đặt tự động việc báo khách hàng - Iwealth kiểm tra báo cáo người liên quan, gửi thông tin cho Marketing	Ngay khi có phát sinh	Ngay khi có phát sinh
7.4	4. Công ty chứng khoán là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.	Điều 25.4	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm	Theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm
7.5	5. Ngoại trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sau: a) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT- BTC khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác hoặc số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty mẹ của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF; b) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC khi công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF.	Điều 25.5	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay khi có sự kiện phát sinh	24h kể từ khi phát sinh sự kiện
7.6	1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, <u>đăng ký giao dịch</u> và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, <u>niêm yết</u> , <u>đăng ký giao dịch</u> chứng khoán.	Điều 25.7, Điều 13.1	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, <u>đăng ký giao dịch</u> chứng khoán	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, <u>niêm yết</u> , <u>đăng ký giao dịch</u> chứng khoán

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
7.7	2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Điều 25.7, Điều 13.2	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay tại thời điểm phát sinh	Ngay tại thời điểm phát sinh
7.8	3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Điều 25.7, Điều 13.3	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay tại thời điểm phát sinh	Ngay tại thời điểm phát sinh
8	Công bố thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng	Điều 9-TT96			
	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Chứng khoán, công ty đại chúng có trách nhiệm công bố về việc trở thành công ty đại chúng kèm bản công bố thông tin về công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Điều 9	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay tại thời điểm phát sinh	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng
9	Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	Điều 19, TT96			
9.1	Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (đối với tổ chức phát hành là công ty cổ phần) kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC;	Điều 19. 2a	Kế toán với báo cáo tài chính Thư ký VPHĐQT với NQ ĐHĐCĐ	Tương tự như nghĩa vụ với CTCK	Ngay khi phát sinh sự kiện

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
9.2	Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau: Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên; Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;	Điều 19. 2b	DCM/OPS	Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo
9.3	Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT- BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;	Điều 19. 2c	DCM/ OPS	28/7 và 28/1 (nếu có)	30/7 và 30/1 (nếu có)
9.4	Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);	Điều 19. 2d	Tương tự mục 3 phụ lục này	Tương tự mục 3 phụ lục này	Tương tự mục 3 phụ lục này
9.5	Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;	Điều 19. 2đ	Bộ phận trực tiếp thực hiện	Ngay khi phát sinh sự kiện	01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu
10	Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	Điều 20-TT96			
10.1	Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 và 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Điều 20.1	Tương tự: PL01, mục 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này
10.2	Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Điều 20.2	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này

STT	Nội dung sự kiện	Điều /khoản/mục	Bộ phận lập báo cáo/ gửi thông tin cho Bộ phận CBTT	Thời hạn gửi cho đầu mỗi CBTT (SLA)	Thời hạn nộp /hoặc CBTT
10.3	Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Thông tư 96/2020/TT- BTC thực hiện công bố thông tin kể từ thời điểm trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc thời điểm trái phiếu doanh nghiệp bị hủy niêm yết tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau: a) Công bố định kỳ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC; b) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn); c) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Điều 20.3	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này
11	Công bố thông tin của tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Điều 21-TT96			
11.1	Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu ra công chúng.	Điều 21.1	Bộ phận trực tiếp thực hiện		
11.2	Tổ chức phát hành có vốn góp của chủ sở hữu sau khi hoàn thành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ 120 tỷ đồng trở lên thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Điều 21.2	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này	Tương tự: PL01, mục 2, 3 PL này, mục 7.6 đến 7.8 PL này

Ghi chú

- Bộ phận lập báo cáo, gửi thông tin trong danh sách này được quy định dựa trên các bộ phận có khả năng cao nhất nhận được thông tin. Các bộ phận khác không qui định trong danh sách này khi nhận được thông tin cần CBTT đều có trách nhiệm gửi cho bộ phận đầu mỗi gửi CBTT hoặc bộ phận lập báo cáo

- Tất cả các sự kiện này đều là sự kiện bất thường, do vậy, cần xem kỹ quy định được dẫn chiếu để xử lý (không căn cứ vào bảng tổng hợp này).

- Căn cứ dẫn chiếu: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

